

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-9-2022  
V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ánh Đào.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Hoàng Bá;
2. Bà Trần Thị Diễm Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXX- ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim T, 1975. Có mặt.
  2. Bị đơn: Ông Trần Văn S, 1978. Yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, TP. C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Kim T trình bày:* Bà và ông Trần Văn S do mai mối nhưng tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do ông S sống vô tâm không chăm lo cho gia đình, còn có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến kinh tế gặp khó khăn. Trong thời gian ly thân, cả hai không gặp nhau, không yêu thương quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông S. Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung là cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày 24/7/2000 và cháu Trần Văn D, sinh ngày 09/02/2004 hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn S trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc không có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bận việc ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị Kim T và ông Trần Văn S là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lương Thị Kim T và ông Trần Văn S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Tước khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S. Xét thấy quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp không công nhận là vợ chồng*”. Do bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S do mai mối nhưng tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1999, có tổ chức lễ cưới nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình. Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, ông S sống vô tâm không chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến cả hai thường xuyên cự cãi nhau, thời gian sống ly thân cả hai không gặp nhau, không quan tâm đến nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm và hiện tại mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã thật sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông S là có căn cứ.

[2.1] Về con chung: Bà T và ông S có hai con chung là cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày 24/7/2000 và cháu Trần Văn D, sinh ngày 09/02/2004 các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác theo quy định chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị Kim T và ông Trần Văn S là vợ chồng

2. Về con chung: có 02 người con chung là cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày 24/7/2000 và cháu Trần Văn D, sinh ngày 09/02/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Bà Lương Thị Kim T và ông Trần Văn S không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006391 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà T đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND h. Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS h. Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Huỳnh Thị Ánh Đào**

